

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1
PCI GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: **1659** / CBTT-PC1
No: **1659** / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày **29** tháng 08 năm 2023
Hanoi, August **29** 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: The State Securities Commission
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pci.group.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét và giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế trên BCTC bán niên năm 2023 / *The Audited Separate Interim Financial statements and Consolidated Interim Financial statements for the six-month period ended 30 June 2023 and the explanation of the fluctuation of profit after tax on the interim financial statements of 2023.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày

29 /08/2023 tại đường dẫn: <http://pci.group.vn> /*This information was published on the company's website on 29 /08/2023, as in the link <http://pci.group.vn>*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorised to disclose information



Hoàng Văn Sáng





Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0100100745

ngày 15 tháng 12 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Vũ Ánh Dương
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Mai Lương Việt

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương
Ông Đặng Quốc Tường
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Nhật Tân
Ông Nguyễn Minh Đệ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà
Ông Hoàng Văn Cường
Ông Hoàng Văn Sáng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28 -08- 2023**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày **28-08-2023**, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00131-23-1



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Hà Nội, **28-08-2023**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 2.705.479.737.450 | 4.751.057.995.296 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 8 | 390.804.976.061 | 1.681.934.406.899 |
| Tiền | 111 | | 80.804.976.061 | 16.934.406.899 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 310.000.000.000 | 1.665.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 48.165.391.719 | 172.848.897.548 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 9(a) | 48.165.391.719 | 172.848.897.548 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.936.768.606.779 | 2.569.352.921.562 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 10 | 1.255.647.895.790 | 1.884.327.840.886 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 11 | 259.495.127.671 | 189.688.812.040 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 12 | 159.562.356.529 | 307.154.252.902 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 13 | 267.247.100.570 | 193.715.889.515 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 14 | (5.183.873.781) | (5.533.873.781) |
| Hàng tồn kho | 140 | 15 | 275.694.514.708 | 278.591.915.964 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 275.694.514.708 | 278.591.915.964 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 54.046.248.183 | 48.329.853.323 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 3.302.989.783 | 1.216.590.029 |
| Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 50.743.258.400 | 47.113.263.294 |
| Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 7.716.960.661.617 | 7.713.453.245.889 |
| Tài sản cố định | 220 | | 2.092.506.406.967 | 2.154.173.907.592 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 16 | 2.090.830.861.048 | 2.152.329.841.848 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 2.749.814.368.250 | 2.743.969.150.568 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (658.983.507.202) | (591.639.308.720) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 17 | 1.675.545.919 | 1.844.065.744 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 2.778.134.000 | 2.778.134.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1.102.588.081) | (934.068.256) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 18 | 160.013.618.600 | 164.564.664.335 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 211.710.738.395 | 211.710.738.395 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (51.697.119.795) | (47.146.074.060) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 12.450.886.300 | 7.859.555.020 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 19 | 12.450.886.300 | 7.859.555.020 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|---------------------------|
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 5.386.693.957.497 | 5.316.208.640.939 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | 9(b) | 3.782.109.053.619 | 3.780.023.737.061 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 9(b) | 1.603.148.756.168 | 1.534.748.756.168 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 9(b) | 4.821.770.000 | 4.821.770.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (3.385.622.290) | (3.385.622.290) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 65.295.792.253 | 70.646.478.003 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 20 | 65.295.792.253 | 70.646.478.003 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 10.422.440.399.067 | 12.464.511.241.185 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 5.547.323.063.885 | 7.571.689.071.746 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.675.032.815.146 | 4.572.245.665.637 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 21 | 600.190.613.970 | 1.027.783.835.592 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 22 | 158.018.645.638 | 296.844.924.883 |
| Thuế và các khoản khác phải nộp | | | | |
| Nhà nước | 313 | 23 | 13.243.960.223 | 66.601.153.610 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 4.889.644.593 | 7.457.277.117 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 24 | 54.929.151.998 | 187.195.114.723 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 1.117.100.091 | 500.728.365 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 25 | 15.326.996.250 | 14.892.412.156 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 26(a) | 1.673.191.439.416 | 2.862.060.337.867 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 27 | 154.125.262.967 | 108.909.881.324 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 2.872.290.248.739 | 2.999.443.406.109 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | 3.596.403.420 | 2.302.745.180 |
| Vay và trái phiếu phát hành dài hạn | 338 | 26(b) | 2.868.693.845.319 | 2.992.770.508.866 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 28 | - | 4.370.152.063 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 4.875.117.335.182 | 4.892.822.169.439 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 29 | 4.875.117.335.182 | 4.892.822.169.439 |
| Vốn cổ phần | 411 | 30 | 2.704.330.020.000 | 2.704.330.020.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 2.704.330.020.000 | 2.704.330.020.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 711.136.556.786 | 711.136.556.786 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 246.973.837.431 | 213.577.792.672 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 64.632.444.542 | 64.632.444.542 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 1.148.044.476.423 | 1.199.145.355.439 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 1.098.957.221.162 | 534.909.460.264 |
| - LNST kỳ này/năm nay | 421b | | 49.087.255.261 | 664.235.895.175 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 10.422.440.399.067 | 12.464.511.241.185 |

28 -08- 2023

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểuTrần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|----------------------------|--------------------------|
| | | 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 60.126.086.440 | 243.759.235.860 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao | 02 | 72.063.764.042 | 66.230.218.581 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (4.720.152.063) | 1.800.953.843 |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ | 04 | 53.962 | (153.162.591) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (171.908.874.887) | (80.902.228.527) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 222.688.262.458 | 115.252.732.789 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 178.249.139.952 | 345.987.749.955 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | 526.140.381.277 | 333.394.376.014 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | 2.897.401.256 | (15.294.388.658) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | (651.131.977.409) | (665.987.633.507) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 3.264.285.996 | (29.020.992.059) |
| | | 59.419.231.072 | (30.920.888.255) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (231.064.163.597) | (101.572.887.234) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (66.959.789.119) | (2.203.194.199) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (21.576.707.875) | (16.945.422.348) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (260.181.429.519) | (151.642.392.036) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (23.152.180.758) | (32.264.199.733) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | 204.890.910 |
| Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng | 23 | (71.630.000.000) | (193.245.502.647) |
| Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng | 24 | 328.566.149.820 | 176.150.904.058 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | (73.400.000.000) | (965.357.070.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 8.146.356.468 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận | 27 | 115.820.528.170 | 55.428.997.277 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 284.350.853.700 | (959.081.980.135) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 23 ngày 15 tháng 12 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyên nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyên nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 24 công ty con và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b) (1/1/2023: 23 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 9(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 256 nhân viên (1/1/2023: 270 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 30 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản cố định hữu hình khác | 4 – 5 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán này và các kỳ kế toán trước. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) ***Doanh thu cho thuê hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) ***Doanh thu bán điện***

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngoài các thông tin trình bày trong Thuyết minh 1(d) và 9(b), không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|----------------------------|------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.348.451.761 | 987.855.716 |
| Tiền gửi ngân hàng | 79.456.524.300 | 15.946.551.183 |
| Các khoản tương đương tiền | 310.000.000.000 | 1.665.000.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 390.804.976.061 | 1.681.934.406.899 |
| | <hr/> | <hr/> |

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5%/năm (1/1/2023: 4,6% - 6%/năm).

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|--|------------------|----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Giá trị | Giá gốc | Giá trị |
| | VND | hợp lý | VND | hợp lý |
| | | VND | | VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 48.165.391.719 | 48.165.391.719 | 172.848.897.548 | 172.848.897.548 |
| | <hr/> | | | |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Địa chỉ | % sở hữu và % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
|---|----------------|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------|
| 30/6/2023 | | | | | |
| ▪ Công ty con | | | | | |
| • Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ”) | Hà Nội | 66% | 3.519.064.933 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | TP Hồ Chí Minh | 100% | 25.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc | Hà Nội | 100% | 10.236.009.597 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | Hà Nội | 100% | 30.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông | Hà Nội | 100% | 5.942.874.315 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV PCI Năng Hường | Hà Nội | 100% | 725.509.851 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”) | Hà Nội | 66% | 3.566.251.625 | - | (*) |
| • Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | Hà Nội | 90% | 28.832.168.426 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu | Điện Biên | 60% | 151.200.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dầu tư Địa ốc Mỹ Đình | Hà Nội | 99,39% | 102.338.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | Hà Nội | 51,00% | 2.550.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình | Hà Nội | 99,83% | 184.005.518.217 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | Cao Bằng | 99,90% | 33.966.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dầu tư Năng lượng Miền Bắc | Cao Bằng | 51,00% | 141.693.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Thương mại Dầu tư Tiến Bộ | Hà Nội | 99,95% | 154.145.058.545 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | Quảng Trị | 55,54% | 409.614.856.402 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy | Quảng Trị | 54,70% | 412.426.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | Quảng Trị | 54,73% | 412.479.556.800 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dầu tư và Dịch vụ Công nghệ | Hà Nội | 51,00% | 1.876.851.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | Cao Bằng | 57,27% | 477.590.600.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dầu tư Thủy điện Sông Gâm | Cao Bằng | 99,00% | 29.700.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại | Hà Nội | 99,75% | 311.652.469.517 | - | (*) |
| • Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là “PCI Global Trading Pte. Ltd.”) | Singapore | 100% | 844.049.264.391 | - | (*) |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30/6/2023

| | Địa chỉ | % sở hữu và % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
|--|-----------------|-----------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|
| • Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (**) | Hải Phòng | 99% | 5.000.000.000 | - | (*) |
| | | | 3.782.109.053.619 | - | |
| ▪ Công ty liên kết | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | Cao Bằng | 25,09% | 124.748.756.168 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dầu tư Bất động sản CT2 | Hà Nội | 49,00% | 300.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Western Pacific | TP Hồ Chí Minh | 30,08% | 1.110.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình (***) | Bà Rịa-Vũng Tàu | 36% | 68.400.000.000 | - | (*) |
| | | | 1.603.148.756.168 | - | |
| ▪ Đơn vị khác | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon | Hải Dương | 10% | 4.000.000.000 | (3.385.622.290) | (*) |
| • Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | Hà Nội | 0,00115% | 821.770.000 | - | 2.531.466.600 |
| | | | 4.821.770.000 | (3.385.622.290) | |
| | | | 5.390.079.579.787 | (3.385.622.290) | |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2023

| | Địa chỉ | % sở hữu và % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
|---|----------------|-----------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|
| ▪ Công ty con | | | | | |
| • Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ”) | Hà Nội | 100% | 5.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | TP Hồ Chí Minh | 100% | 25.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc | Hà Nội | 100% | 10.236.009.597 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | Hà Nội | 100% | 30.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông | Hà Nội | 100% | 5.942.874.315 | - | (*) |
| • Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương | Hà Nội | 100% | 725.509.851 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”) | Hà Nội | 100% | 5.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | Hà Nội | 90% | 28.832.168.426 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu | Điện Biên | 60% | 151.200.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | Hà Nội | 99,39% | 102.338.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | Hà Nội | 51,00% | 2.550.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình | Hà Nội | 99,83% | 184.005.518.217 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | Cao Bằng | 99,90% | 33.966.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc | Cao Bằng | 51,00% | 141.693.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ | Hà Nội | 99,95% | 154.145.058.545 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | Quảng Trị | 55,54% | 409.614.856.402 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy | Quảng Trị | 54,70% | 412.426.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | Quảng Trị | 54,73% | 412.479.556.800 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | Hà Nội | 51,00% | 1.876.851.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | Cao Bằng | 57,27% | 477.590.600.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm | Cao Bằng | 99,00% | 29.700.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại | Hà Nội | 99,75% | 311.652.469.517 | - | (*) |
| • Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là “PC1 Global Trading Pte. Ltd.”) | Singapore | 100% | 844.049.264.391 | - | (*) |
| | | | 3.780.023.737.061 | - | |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2023

| | Địa chỉ | % sở hữu và % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
|--|----------------|--------------------------------|-------------------|-----------------|--------------------|
| ▪ Công ty liên kết | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng | Cao Bằng | 25,09% | 124.748.756.168 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Dầu tư Bất động sản CT2 | Hà Nội | 49,00% | 300.000.000.000 | - | (*) |
| • Công ty Cổ phần Western Pacific | TP Hồ Chí Minh | 30,08% | 1.110.000.000.000 | - | (*) |
| | | | 1.534.748.756.168 | - | |
| ▪ Đơn vị khác | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon | Hải Dương | 10% | 4.000.000.000 | (3.385.622.290) | (*) |
| • Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | Hà Nội | 0,00115% | 821.770.000 | - | 2.254.085.600 |
| | | | 4.821.770.000 | (3.385.622.290) | |
| | | | 5.319.594.263.229 | (3.385.622.290) | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn 5.000.000.000 VND để thành lập công ty con, Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 99%.

(***) Ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình trở thành công ty liên kết của Công ty sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu để có tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 36%.

Tại ngày cuối kỳ, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Dầu tư Năng lượng Miền Bắc được thế chấp để bảo đảm cho khoản trái phiếu của Công ty (Thuyết minh 26(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang | 222.684.391.377 | 758.952.550.730 |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam | 107.238.761.686 | 181.157.744.624 |
| Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung | 69.079.126.239 | 67.422.966.473 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | 66.414.418.442 | 3.839.201.000 |
| Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc | 62.930.871.614 | 82.986.303.726 |
| Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP | 59.231.766.990 | 58.770.070.370 |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 668.068.559.442 | 731.199.003.963 |
| | 1.255.647.895.790 | 1.884.327.840.886 |

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | 66.414.418.442 | 3.839.201.000 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | 6.825.366.290 | 7.721.940.599 |
| Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ”) | 3.394.433.338 | 2.143.980.924 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc | 385.239.654 | 385.239.654 |
| Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | 63.720.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | 20.085.096 | - |
| Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”) | - | 466.283.010 |
| Công ty con cấp 2 | | |
| Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | 52.907.143.354 | 54.229.220.042 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | 866.995.535 | 866.995.535 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | 72.653.933 | 72.653.933 |
| | 130.950.055.642 | 69.725.514.697 |

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và có thời hạn phải thu theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc | 19.496.409.591 | 5.102.136.673 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | 6.901.317.231 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | 4.689.622.974 | - |
| Công ty con cấp 2 | | |
| Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | 7.463.270.654 | 7.448.266.854 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | 1.660.846.442 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | - | 6.655.451.501 |
| Bên khác | | |
| Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát | 95.988.840.482 | 95.988.840.482 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Chấn Hưng | 22.286.051.214 | 21.216.637.391 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Định Tân | 20.468.263.760 | - |
| Công ty TNHH Xuân An Phú Thọ | 8.510.522.166 | 10.113.842.440 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông Nam | 3.032.555.271 | 9.576.910.449 |
| Các khoản trả trước cho người bán khác | 68.997.427.886 | 33.586.726.250 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 259.495.127.671 | 189.688.812.040 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | 82.373.413.849 | 78.246.218.878 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ | 22.000.000.000 | 22.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm | 21.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | - | 70.959.512.950 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy | - | 70.959.512.949 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | - | 25.800.065.445 |
| Công ty con cấp 2 | | |
| Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | 16.302.693.400 | 16.302.693.400 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Bên khác | | |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn Cầu (trước đây là “Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1”) | 2.886.249.280 | 2.886.249.280 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 159.562.356.529 | 307.154.252.902 |
| | <hr/> | <hr/> |

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4% đến 10,5%/năm (1/1/2023: từ 4% đến 6,5%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu ngắn hạn khác

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*) | 156.394.077.619 | 138.153.857.564 |
| Tạm ứng | 21.597.852.029 | 10.060.161.689 |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (**) | 77.582.758.142 | 32.479.615.863 |
| Phải thu lãi tiền gửi, cho vay (**) | 8.384.646.084 | 9.354.208.120 |
| Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3) | 2.151.632.200 | 2.151.632.200 |
| Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1) | 418.555.690 | 418.555.690 |
| Ký cược, ký quỹ | 268.380.000 | 268.380.000 |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 232.320.364 | 259.555.654 |
| Phải thu khác | 216.878.442 | 569.922.735 |
| | 267.247.100.570 | 193.715.889.515 |

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại.

(**) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|---|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia | 77.582.758.142 | 32.479.615.863 |
| Phải thu lãi cho vay | 6.333.113.747 | 5.281.795.612 |
| | 83.915.871.889 | 37.761.411.475 |

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và thời hạn phải thu theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

| | 30/6/2023 | | | 1/1/2023 | | | | |
|--|----------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|------------------------|----------------|-----------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1) | Trên 3 năm | 418.555.690 | (418.555.690) | - | Trên 3 năm | 418.555.690 | (418.555.690) | - |
| Trần Nhung (Đội xây lắp số 3) | Trên 3 năm | 2.151.632.200 | (2.151.632.200) | - | Trên 3 năm | 2.151.632.200 | (2.151.632.200) | - |
| Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn Tổng Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng | Trên 3 năm | 2.049.842.044 | (2.049.842.044) | - | Trên 3 năm | 2.049.842.044 | (2.049.842.044) | - |
| Các khách hàng khác | Trên 3 năm | 563.843.847 | (563.843.847) | - | Từ 2 đến dưới 3 năm | 500.000.000 | (350.000.000) | 150.000.000 |
| | | | | | Trên 3 năm | 563.843.847 | (563.843.847) | - |
| | | 5.183.873.781 | (5.183.873.781) | - | | 5.683.873.781 | (5.533.873.781) | 150.000.000 |

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(5.183.873.781)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|---|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 672.055.967 | - | 4.190.190.203 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 274.548.872.725 | - | 271.866.487.415 | - |
| Hàng hóa | 473.586.016 | - | 2.535.238.346 | - |
| | 275.694.514.708 | - | 278.591.915.964 | - |

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

| | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện: | | |
| Gói tổng thầu thi công hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II-A, Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A | 77.963.341.865 | 27.159.635.475 |
| EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau GĐ1, Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2, 3 và ngăn lộ MR 110kV tại TBA 220kV Năm Căn | 34.642.121.769 | 30.166.322.460 |
| Gói 9 lô 9.8 VT54-01 VT61-01 và lô 9.11 VT80-2 VT91-01 Xây lắp Dự án ĐZ500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi | 10.565.094.890 | 9.439.117.643 |
| Gói thầu số 2XL-TBA500LC thi công xây lắp TBA 500kV Lào Cai Dự án TBA 500kV Lào Cai và các ĐZ220kV đầu nối | 9.932.832.291 | 9.013.587.358 |
| Gói 9 Cung cấp xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị TBA 110kV KCN Công Xanh và ĐZ đầu nối tỉnh Bình Dương | 9.626.994.954 | 14.428.907.373 |
| HD 2022 Gói 6 cung cấp xây dựng và lắp đặt Vật tư thiết bị ĐZ 110kV đầu nối LSP Long Sơn | 31.950.355 | 43.463.085.064 |
| Gói 9: Cung cấp và xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị toàn trạm, Công trình TBA 110kV TP Phú Mỹ và ĐZ đầu nối, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | - | 10.793.048.444 |
| Các công trình, dự án khác | 120.768.038.704 | 117.407.354.505 |
| Dự án kinh doanh bất động sản: | | |
| Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5-CT2 và G8 - CT3) | 7.491.426.417 | 7.491.426.417 |
| Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm | 2.587.350.534 | 2.410.618.176 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | | |
| | 939.720.946 | 93.384.500 |
| | 274.548.872.725 | 271.866.487.415 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Dụng cụ văn phòng VND | Tài sản cố định hữu hình khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.332.328.271.354 | 1.235.843.352.719 | 163.016.426.109 | 11.770.225.176 | 1.010.875.210 | 2.743.969.150.568 |
| Tăng trong kỳ | - | 3.140.161.500 | 681.818.182 | 1.938.238.000 | 85.000.000 | 5.845.217.682 |
| Số dư cuối kỳ | 1.332.328.271.354 | 1.238.983.514.219 | 163.698.244.291 | 13.708.463.176 | 1.095.875.210 | 2.749.814.368.250 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 232.092.176.736 | 276.291.256.770 | 74.306.017.202 | 7.998.172.137 | 951.685.875 | 591.639.308.720 |
| Khấu hao trong kỳ | 23.621.910.764 | 34.782.515.215 | 8.177.523.156 | 743.256.450 | 18.992.897 | 67.344.198.482 |
| Số dư cuối kỳ | 255.714.087.500 | 311.073.771.985 | 82.483.540.358 | 8.741.428.587 | 970.678.772 | 658.983.507.202 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.100.236.094.618 | 959.552.095.949 | 88.710.408.907 | 3.772.053.039 | 59.189.335 | 2.152.329.841.848 |
| Số dư cuối kỳ | 1.076.614.183.854 | 927.909.742.234 | 81.214.703.933 | 4.967.034.589 | 125.196.438 | 2.090.830.861.048 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 30.275 triệu VND (1/1/2023: 29.153 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.979.213 triệu VND (1/1/2023: 2.033.416 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 26(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|---|--------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ | 1.108.070.000 | 1.670.064.000 | 2.778.134.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | - | 934.068.256 | 934.068.256 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 168.519.825 | 168.519.825 |
| Số dư cuối kỳ | - | 1.102.588.081 | 1.102.588.081 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu kỳ | 1.108.070.000 | 735.995.744 | 1.844.065.744 |
| Số dư cuối kỳ | 1.108.070.000 | 567.475.919 | 1.675.545.919 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Bất động sản đầu tư cho thuê**

| Nguyên giá | Khu văn phòng tại | Khu văn phòng tại | Khu văn phòng tại | Khu văn phòng tại | Tổng cộng |
|-------------------------------|----------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| | Chung cư Nàng Hương VND | Chung cư Mỹ Đình Plaza VND | Chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND | Chung cư Mỹ Đình Plaza 2 VND | VND |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ | 11.076.525.175 | 90.477.826.874 | 24.269.520.970 | 85.886.865.376 | 211.710.738.395 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 4.899.271.736 | 35.064.149.865 | 6.316.724.613 | 865.927.846 | 47.146.074.060 |
| Khấu hao trong kỳ | 197.750.772 | 2.168.275.141 | 481.400.907 | 1.703.618.915 | 4.551.045.735 |
| Số dư cuối kỳ | 5.097.022.508 | 37.232.425.006 | 6.798.125.520 | 2.569.546.761 | 51.697.119.795 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 6.177.253.439 | 55.413.677.009 | 17.952.796.357 | 85.020.937.530 | 164.564.664.335 |
| Số dư cuối kỳ | 5.979.502.667 | 53.245.401.868 | 17.471.395.450 | 83.317.318.615 | 160.013.618.600 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------------------|----------------------------|-----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 7.859.555.020 | 3.104.884.127 |
| Tăng trong kỳ | 4.591.331.280 | 4.702.000.000 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | (4.862.000.000) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | - | (1.040.000.000) |
| Số dư cuối kỳ | 12.450.886.300 | 1.904.884.127 |

Xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí triển khai tài sản cố định hữu hình của Công ty chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong tại ngày cuối kỳ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí sửa chữa tài sản VND | Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND | Chi phí trả trước dài hạn khác VND | Tổng cộng VND |
|------------------|---------------------------|---------------------------------|--|---------------------------------------|------------------|
| Số dư đầu kỳ | 2.394.364.008 | 6.338.298.405 | 33.398.784.819 | 28.515.030.771 | 70.646.478.003 |
| Tăng trong kỳ | 1.508.333.110 | 3.425.141.924 | - | 5.147.570.822 | 10.081.045.856 |
| Phân bổ trong kỳ | (1.158.548.410) | (2.468.661.856) | (317.238.030) | (11.487.283.310) | (15.431.731.606) |
| Số dư cuối kỳ | 2.744.148.708 | 7.294.778.473 | 33.081.546.789 | 22.175.318.283 | 65.295.792.253 |

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

| Công trình | Thông báo | Số tiền được trừ (VND) |
|-----------------------------------|---|---------------------------|
| Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1 | Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016 | 11.413.476.782 |
| Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3 | Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017 | 10.061.418.000 |
| Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A | Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017 | 668.410.942 |
| Công trình Thủy điện Bảo Lạc B | Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019 | 7.806.445.192 |
| Công trình Thủy điện Sông Nhiệm 4 | Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019 | 787.719.391 |
| | Quyết định số 373/QĐ-CT ngày 3/6/2020 | 549.384.183 |
| | Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 3/8/2020 | 5.174.745.600 |

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 3.062.815.271 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|--|---|--------------------------|
| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
| | VND | VND |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | 134.687.565.604 | 141.177.753.552 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát | 58.513.566.980 | 88.085.345.260 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | 51.346.311.795 | 121.246.453.021 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 5 | - | 26.694.392.913 |
| Phải trả các đối tượng khác | 355.643.169.591 | 650.579.890.846 |
| | 600.190.613.970 | 1.027.783.835.592 |

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

| | Giá gốc và số có khả năng trả nợ | |
|---|---|------------------------|
| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | 134.687.565.604 | 141.177.753.552 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | 51.346.311.795 | 121.246.453.021 |
| Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”) | 46.202.387.044 | 52.958.253.387 |
| Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ”) | 21.201.542.422 | 19.501.812.125 |
| Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | 16.599.444.778 | 5.187.209.775 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | 4.179.367.535 | 10.999.999.999 |
| Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương | 903.594.160 | 125.794.983 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông | 503.400.792 | 2.661.575.593 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | 9.192.724 | 9.192.724 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | - | 9.659.047.242 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | - | 3.148.893.698 |
| Công ty con cấp 2 | | |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | 36.891.015 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | - | 7.945.184.200 |
| Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | - | 3.441.613.026 |
| | 275.669.697.869 | 378.062.783.325 |

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn phải trả theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy | - | 11.766.678.443 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | - | 4.082.901.061 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | - | 2.203.165.757 |
| Bên khác | | |
| Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific | 100.260.088.143 | 87.260.088.143 |
| Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 | 31.515.453.438 | 71.515.453.438 |
| Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông | 13.712.814.748 | 13.712.814.748 |
| Ban Quản lý Dự án Điện 2 | 9.500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 | - | 83.740.909.091 |
| Ban Quản lý Dự án lưới Điện Thành phố Hồ Chí Minh | - | 14.258.152.880 |
| Các khách hàng khác | 3.030.289.309 | 8.304.761.322 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 158.018.645.638 | 296.844.924.883 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2023 VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | 30/6/2023 VND |
|---|-------------------------------|---|---|--------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng (*) | 6.720.903.822 | 17.973.639.116 | (17.311.052.733) | 7.383.490.205 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 55.973.200.329 | 11.038.831.179 | (66.959.789.119) | 52.242.389 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 107.487.838 | 3.969.704.705 | (3.937.977.103) | 139.215.440 |
| Thuế tài nguyên | 1.404.951.745 | 5.721.676.997 | (4.775.121.771) | 2.351.506.971 |
| Thuế nhà đất | - | 2.187.154.914 | (174.194.728) | 2.012.960.186 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 2.394.609.876 | 6.161.449.215 | (7.251.514.059) | 1.304.545.032 |
| | 66.601.153.610 | 47.052.456.126 | (100.409.649.513) | 13.243.960.223 |

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|--------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng | 41.928.346.475 | 53.873.727.957 |
| Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp | 3.057.520.168 | 121.923.110.882 |
| Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện hoàn thành | 7.609.824.282 | 9.058.565.288 |
| Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện | 2.333.461.073 | 2.339.710.596 |
| | 54.929.151.998 | 187.195.114.723 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi vay phải trả các công ty liên quan (*) | 9.815.763.970 | 8.593.620.080 |
| Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản | 958.027.395 | 961.753.395 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.595.980.846 | 940.220.886 |
| Kinh phí công đoàn | 350.150.898 | 87.422.438 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.607.073.141 | 4.309.395.357 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 15.326.996.250 | 14.892.412.156 |
| | <hr/> | <hr/> |

(*) Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và thời hạn phải trả theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| 26. Vay | 1/1/2023 | | Biến động trong kỳ | | 30/6/2023 |
|---|---|-------------------|---------------------|---|-----------|
| | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND | |
| (a) Vay ngắn hạn | | | | | |
| Vay ngắn hạn | 2.766.612.337.867 | 1.802.497.907.613 | (3.013.966.806.064) | 1.555.143.439.416 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 26(b)) | 95.448.000.000 | 63.912.000.000 | (41.312.000.000) | 118.048.000.000 | |
| | 2.862.060.337.867 | 1.866.409.907.613 | (3.055.278.806.064) | 1.673.191.439.416 | |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| Loại tiền | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh | VND 265.798.744.666 | 138.893.055.823 |
| Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội | VND 182.972.233.936 | 436.326.026.864 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | VND 33.201.485.140 | 147.823.804.361 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An | VND 884.178.588.586 | 1.128.879.617.792 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC | VND - | 562.870.172.288 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch | VND 106.119.303.312 | 240.898.438.134 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | VND 64.844.415.671 | 110.921.222.605 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm | VND 12.709.846.080 | - |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | VND 5.318.822.025 | - |
| | 1.555.143.439.416 | 2.766.612.337.867 |

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ sáu đến chín tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

| | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Vay dài hạn (i) | 1.805.228.759.089 | 1.909.052.759.089 |
| Trái phiếu thường (ii) | 1.181.513.086.230 | 1.179.165.749.777 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 26(a)) | (118.048.000.000) | (95.448.000.000) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 2.868.693.845.319 | 2.992.770.508.866 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | Tài sản bảo đảm | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|--|-----------|---|-------------|--|-------------------|-------------------|
| Công ty con | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại | VND | 3% | 2023 | Tín chấp | 68.000.000.000 | 111.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình | VND | 3% | 2023 | Tín chấp | 10.350.371.918 | 10.350.371.918 |
| Các bên khác | | | | | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (*) | VND | Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ Chương trình Phát triển Năng lượng Tài tạo của Ngân hàng Thế giới Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2030 | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 | 410.968.395.700 | 428.768.395.700 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch (*) | VND | Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2030 | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 | 322.709.898.607 | 346.709.898.607 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (*) | VND | Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2032 | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B | 320.058.568.179 | 335.082.568.179 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (*) | VND | Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2030 | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A | 152.212.523.972 | 152.212.523.972 |
| Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*) | VND | Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2033 | Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4 | 156.000.000.000 | 160.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | VND | 9% | 2025 | Tín chấp | 364.929.000.713 | 364.929.000.713 |
| | | | | | 1.805.228.759.089 | 1.909.052.759.089 |

(*) Khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản có hữu hình có giá trị còn lại là 1.979.213 triệu VND (1/1/2023: 2.033.416 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Trái phiếu thường**

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 30/6/2023 VND | 1/1/2023 VND |
|------------------------------------|-----------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| Trái phiếu phát hành theo mệnh giá | | | | | |
| Lô 1 | VND | Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2027 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| Lô 2 | VND | Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ | 2027 | 900.000.000.000 | 900.000.000.000 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | | | | (18.486.913.770) | (20.834.250.223) |
| Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng | | | | 1.181.513.086.230 | 1.179.165.749.777 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 sở hữu (Thuyết minh 9(b)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Western Pacific từ các cổ đông hiện hữu và mua cổ phần phát hành mới, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------|-----------------------------------|------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 108.909.881.324 | 101.549.681.225 |
| Trích lập trong kỳ | 66.792.089.518 | 40.800.767.447 |
| Sử dụng trong kỳ | (21.576.707.875) | (16.945.422.348) |
| | | |
| Số dư cuối kỳ | 154.125.262.967 | 125.405.026.324 |

28. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

| | Dự phòng bảo hành công trình xây dựng |
|--------------------|--|
| | VND |
| Số dư đầu kỳ | 4.370.152.063 |
| Hoàn nhập trong kỳ | (4.370.152.063) |
| | |
| Số dư cuối kỳ | - |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|------------------------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|---|--|-------------------|
| Số dư tại ngày 1/1/2022 | 2.351.596.490.000 | 711.136.556.786 | 198.031.531.421 | 64.632.444.542 | 943.990.018.962 | 4.269.387.041.711 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 228.705.350.636 | 228.705.350.636 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (40.800.767.447) | (40.800.767.447) |
| Số dư tại ngày 30/6/2022 | 2.351.596.490.000 | 711.136.556.786 | 198.031.531.421 | 64.632.444.542 | 1.131.894.602.151 | 4.457.291.624.900 |
| Số dư tại ngày 1/1/2023 | 2.704.330.020.000 | 711.136.556.786 | 213.577.792.672 | 64.632.444.542 | 1.199.145.355.439 | 4.892.822.169.439 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | - | - | 49.087.255.261 | 49.087.255.261 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (i) | - | - | 33.396.044.759 | - | (33.396.044.759) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (66.792.089.518) | (66.792.089.518) |
| Số dư tại ngày 30/6/2023 | 2.704.330.020.000 | 711.136.556.786 | 246.973.837.431 | 64.632.444.542 | 1.148.044.476.423 | 4.875.117.335.182 |

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2023, Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 33.396.044.759 VND.



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|----------------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 | 270.433.002 | 2.704.330.020.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

| | 30/6/2023 | 1/1/2023 |
|--------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 3.654.867.840 | 3.496.698.529 |
| Trên một năm đến năm năm | 10.614.028.639 | 13.909.003.732 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 14.268.896.479 | 17.405.702.261 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Ngoại tệ

| | 30/6/2023 | | 1/1/2023 | |
|----------|------------------|--------------------|-----------------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| Đô la Mỹ | 54.277 | 1.269.405.121 | 4.343 | 101.445.379 |
| Kíp Lào | 600.575 | 336.322 | - | - |
| | | <hr/> | | <hr/> |

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện | 868.291.140.919 | 972.663.767.475 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 12.170.862.025 | 6.669.675.017 |
| Doanh thu bán điện | 139.097.920.857 | 317.698.336.482 |
| Doanh thu bán hàng hóa, vật tư | 659.416.644.657 | 653.401.642.183 |
| Doanh thu khác | 58.255.990.053 | 6.585.035.886 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.737.232.558.511 | 1.957.018.457.043 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|--------------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện | 768.455.721.649 | 875.298.736.144 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư | 5.862.393.337 | 3.503.048.314 |
| Giá vốn bán điện | 88.781.674.822 | 111.430.102.412 |
| Giá vốn bán hàng hóa, vật tư | 647.783.056.301 | 636.480.270.824 |
| Giá vốn khác | 58.852.806.164 | 6.751.891.775 |
| | 1.569.735.652.273 | 1.633.464.049.469 |

34. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 41.159.907.019 | 24.758.047.167 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 1.605.273.821 | 575.775.518 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 125.517.294.842 | 55.363.514.932 |
| Lãi chuyển nhượng vốn | 5.231.673.026 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 553.977.028 | 1.961.194.889 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 153.162.591 |
| | 174.068.125.736 | 82.811.695.097 |

35. Chi phí tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------------------|----------------------------|------------------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 220.340.926.005 | 115.252.732.789 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 2.347.336.453 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 903.471.251 | 337.987.187 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 53.962 | - |
| Chi phí tài chính khác | 32.382.234 | - |
| | 223.624.169.905 | 115.590.719.976 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------|----------------------------|---------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.826.659.879 | 6.448.023.764 |
| Chi phí bán hàng khác | 91.196.661 | 36.195.060 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 4.917.856.540 | 6.484.218.824 |
| | <hr/> | <hr/> |

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|----------------------------------|----------------------------|----------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.486.192.593 | 2.607.703.296 |
| Chi phí nhân công | 27.884.280.527 | 21.126.125.297 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.690.625.411 | 2.144.165.599 |
| (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng | (350.000.000) | 1.800.953.843 |
| Thuế, phí, lệ phí | 1.684.040.736 | 976.646.122 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.037.361.052 | 7.720.217.153 |
| Chi phí khác bằng tiền | 4.049.685.422 | 3.356.631.616 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 55.482.185.741 | 39.732.442.926 |
| | <hr/> | <hr/> |

38. Thu nhập khác

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------------------|----------------------------|-------------|
| | 30/6/2023 | 30/6/2022 |
| | VND | VND |
| Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp | 4.370.152.063 | - |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | - | 204.890.910 |
| Thu nhập khác | 9.130 | 279.875.244 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 4.370.161.193 | 484.766.154 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|--------------------------|
| | 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Chi phí nguyên vật liệu | 161.960.257.379 | 151.341.356.850 |
| Chi phí nhân công | 30.092.905.217 | 29.067.909.245 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư cho thuê | 72.063.764.042 | 66.230.218.581 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 746.850.845.981 | 768.183.665.040 |
| Chi phí khác bằng tiền | 18.963.314.817 | 41.823.514.920 |
| | 1.029.931.087.436 | 1.056.646.664.636 |

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Kỳ hiện hành | - | 15.029.801.209 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 11.038.831.179 | 24.084.015 |
| | 11.038.831.179 | 15.053.885.224 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|-----------------------|
| | 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 60.126.086.440 | 243.759.235.860 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 12.025.217.288 | 48.751.847.172 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 566.982.035 | 342.923.217 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (25.103.458.968) | (11.072.702.986) |
| Ưu đãi thuế | - | (22.992.266.194) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là lỗ tính thuế không được ghi nhận | 12.567.448.045 | - |
| Biến động của chênh lệch tạm thời không được ghi nhận | (56.188.400) | - |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 11.038.831.179 | 24.084.015 |
| | 11.038.831.179 | 15.053.885.224 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--|------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Công ty con | | |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 7.278.020.610 | - |
| Doanh thu dịch vụ | 31.330.111 | 15.719.666 |
| Mua dịch vụ xây lắp | 202.466.566.822 | 83.790.623.133 |
| Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ") | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 6.390.117.788 | - |
| Mua dịch vụ xây lắp | 100.044.610.452 | 36.506.715.864 |
| Doanh thu cho thuê | - | 172.037.509 |
| Chuyển nhượng vốn | 1.480.935.067 | - |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|--|--|------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | | |
| Mua hàng hóa | 15.189.488.950 | 19.041.469.151 |
| Lợi nhuận được chia | - | 9.226.338.660 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | | |
| Doanh thu cho thuê | 276.686.550 | 276.686.550 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 5.160.846.858 | - |
| Doanh thu dịch vụ | 18.259.178 | 41.680.164 |
| Mua dịch vụ xây lắp | 79.484.866.908 | 87.380.242.977 |
| Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương | | |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 757.854.496 | 885.946.591 |
| Mua dịch vụ | 1.641.933.103 | 930.412.610 |
| Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”) | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.313.991.581 | 1.312.649.440 |
| Doanh thu cho thuê | - | 74.609.101 |
| Doanh thu dịch vụ xây lắp | 553.051.680 | 28.103.333 |
| Mua dịch vụ xây lắp | 62.692.531.204 | 75.375.650.882 |
| Lãi trả chậm | 16.421.682 | - |
| Chi phí lãi trả chậm | 32.382.234 | - |
| Chuyển nhượng vốn | 1.433.748.375 | - |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông | | |
| Doanh thu cho thuê | - | 79.637.771 |
| Mua tài sản | 681.818.182 | - |
| Mua dịch vụ xây lắp | - | 8.732.708.276 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu | | |
| Doanh thu cho thuê | 33.763.290 | 33.763.290 |
| Cổ tức được chia | 26.397.234.000 | 22.200.000.000 |
| Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam | | |
| Doanh thu cho thuê | 115.854.546 | 115.854.546 |
| Cổ tức được chia | 1.377.000.000 | 433.500.000 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình | | |
| Cổ tức được chia | - | 3.565.716.000 |
| Thanh toán gốc vay | - | 10.000.000.000 |
| Chi phí lãi vay | 153.979.506 | 167.130.191 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|--|---|--------------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình | | |
| Doanh thu cho thuê | 47.650.908 | 47.650.908 |
| Cổ tức được chia | - | 7.951.200.000 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm | | |
| Mua dịch vụ vận hành | 6.871.549.101 | 10.352.309.423 |
| Mua dịch vụ xây lắp | 3.579.322.340 | - |
| Lãi cho vay | 140.684.932 | - |
| Cho vay | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc | | |
| Doanh thu dịch vụ | - | 2.712.000.000 |
| Cổ tức được chia | 14.702.758.871 | 11.678.975.272 |
| Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập | | |
| Doanh thu xây lắp | - | 38.036.904.300 |
| Lãi cho vay | 386.693.454 | 384.314.313 |
| <i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i> | <i>328.486.804</i> | <i>381.316.650</i> |
| Thu hồi gốc cho vay | 26.128.552.249 | - |
| Doanh thu dịch vụ quản lý | 326.607.314 | 150.650.000 |
| Cổ tức được chia | 13.245.018.859 | - |
| Công ty TNHH Cổ phần Điện gió Phong Huy | | |
| Lãi cho vay | 1.085.320.052 | 1.563.099.030 |
| <i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i> | <i>1.106.168.445</i> | <i>1.511.747.935</i> |
| Cho vay mới | - | 11.693.680.000 |
| Thu hồi gốc cho vay | 72.065.681.394 | - |
| Doanh thu dịch vụ quản lý | 346.607.314 | 150.650.000 |
| Cổ tức được chia | 31.759.339.305 | - |
| Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên | | |
| Doanh thu dịch vụ quản lý | 326.607.314 | 150.650.000 |
| Lãi cho vay | 1.408.008.583 | 1.563.099.030 |
| <i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i> | <i>1.161.243.228</i> | <i>1.511.747.935</i> |
| Cho vay mới | - | 11.693.680.000 |
| Thu hồi gốc cho vay | 72.120.756.178 | - |
| Cổ tức được chia | 38.035.943.807 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ | | |
| Mua tài sản | 2.720.161.500 | - |
| Mua dịch vụ | 1.593.368.345 | - |
| Cổ tức được chia | - | 306.000.000 |
| Mua hàng hóa | 465.100.000 | 22.339.577.900 |
| Cho vay mới | - | 2.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--|------------------|
| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát | | |
| Lãi cho vay | 4.127.194.971 | 2.761.878.501 |
| <i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i> | 4.127.194.971 | 1.526.277.500 |
| Doanh thu dịch vụ | 56.886.561.310 | 2.603.309.362 |
| Cho vay mới | - | 22.526.277.500 |
| Thu hồi gốc cho vay | - | 23.755.044.623 |
| Góp vốn | - | 65.357.070.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ | | |
| Lãi cho vay | 436.383.561 | - |
| Thanh toán gốc vay | - | 60.000.000.000 |
| Chi phí lãi vay | - | 1.083.673.973 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại | | |
| Chi phí lãi vay | 1.068.164.384 | 2.088.410.959 |
| Thanh toán gốc vay | - | 3.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm | | |
| Lãi cho vay | 424.109.589 | - |
| Cho vay | 6.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng | | |
| Góp vốn | 5.000.000.000 | - |
| Công ty con cấp 2 | | |
| Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh | | |
| Lãi cho vay và lãi trả chậm | 2.072.081.166 | 1.101.258.225 |
| Mua hàng hóa | 84.138.328 | 1.342.135.680 |
| Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình | | |
| Doanh thu cho thuê | - | 136.448.184 |
| Mua hàng hóa | 1.509.140.126 | 1.686.798.489 |
| Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam | | |
| Doanh thu cho thuê | - | 225.650.510 |
| Doanh thu dịch vụ | - | 2.320.000 |
| Mua dịch vụ xây lắp | 8.040.231.040 | 29.079.294.934 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2023 30/6/2022
VND VND

Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 -
Ninh Bình – công ty con của Công ty
TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình

| | | |
|------------------------|----------------|-------------|
| Doanh thu cho thuê | - | 34.020.530 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.200.992.156 | - |
| Lãi cho vay | 216.917.808 | 163.835.616 |
| Mua dịch vụ xây lắp | 10.921.187.095 | 800.733.580 |

Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình
 Mua cổ phần

| | |
|----------------|---|
| 68.400.000.000 | - |
|----------------|---|

Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị

| | | |
|--------------------|-------------|---------------|
| Ông Trịnh Văn Tuấn | 228.000.000 | 1.200.000.000 |
| Ông Vũ Ánh Dương | 34.000.000 | 180.000.000 |
| Ông Võ Hồng Quang | 34.000.000 | 180.000.000 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | 34.000.000 | 180.000.000 |
| Ông Mai Lương Việt | 34.000.000 | 180.000.000 |

Lương, thưởng và phúc lợi khác của

Ban Tổng Giám đốc

| | | |
|---------------------|-------------|-------------|
| Ông Vũ Ánh Dương | 523.375.609 | 562.463.941 |
| Ông Võ Hồng Quang | 352.496.551 | 397.557.113 |
| Ông Nguyễn Minh Đệ | 466.225.000 | 542.956.000 |
| Ông Đặng Quốc Tường | 433.079.495 | 451.288.328 |
| Ông Nguyễn Nhật Tân | 299.539.959 | 328.662.364 |
| Ông Vũ Văn Tứ | - | 50.165.000 |

Thù lao của Ban Kiểm soát

| | | |
|----------------------|------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Hải Hà | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Cường | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Hoàng Văn Sáng | 12.000.000 | 12.000.000 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

| | Kỳ sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|----------------------------|------------------|
| | 30/6/2023 VND | 30/6/2022 VND |
| Lãi cho vay nhập gốc | 6.723.093.448 | 4.931.090.020 |
| Bù trừ khoản người mua trả trước với khoản phải thu về cho vay | 22.062.345.830 | - |

43. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

28 -08- 2023

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

